TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Hoài T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bàn Văn Thế

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng

Ông Nguyễn Văn Quang

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Hồng Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21/9/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HN&GĐ, ngày 07/9/2023 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1990. ĐKHKTT và nơi ở: Thôn V, xã V1, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1996. ĐKHKTT và nơi ở: Thôn V, xã V1, huyện S, tỉnh T (Vắng mặt, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh (Nguyễn Văn Đ) với chị Nguyễn Hoài T kết hôn ngày 22/12/2015, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã V1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh làm ăn sinh sống tại thôn V, xã V1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Trong quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hoà hợp, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung; mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không thể hoà hợp. Đỉnh điểm từ cuối tháng 11/2022 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm

hay kinh tế với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Hoài T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 23/9/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/02/2018. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ: Anh chị không cho ai vay nợ cũng không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định, chị T không phải nộp án phí.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần báo gọi, triệu tập chị Nguyễn Hoài T để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải tại Toà án, nhưng chị T đều không có mặt.

Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại địa phương và người thân của chị T thể hiện: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Hoài T là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn V, xã V1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Về quan hệ hôn nhân thì chị T và anh Đ được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, hòa thuận nhưng những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Về con chung chị T và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 23/9/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/02/2018, hiện đang ở với anh Đ, quan điểm của địa phương nên giao con chung của anh chị cho anh Đ nuôi dưỡng. Về tài sản, vay nợ chung địa phương không nắm rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; bị đơn không chấp hành triệu tập của Toà án trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn chị Nguyễn Hoài T; giao hai cháu Nguyễn K N, sinh ngày 23/9/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/02/2018 cho anh Đ trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm con chung không; anh Đ phải chịu án phí theo quy định, các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Hoài T, trú tại thôn V, xã V1, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, đồng thời yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung của anh chị. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập bị đơn chị Nguyễn Hoài T đến Toà để làm việc nhưng chị T không có mặt; Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây được coi là trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt, trốn tránh nghĩa vụ, nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung được pháp luật quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Hoài T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Đỉnh điểm đến năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp để hàn gắn quan hệ vợ chồng; quá trình giải quyết vụ án bị đơn không đến Tòa làm việc, không tham gia các phiên họp, hòa giải do Tòa án tiến hành để nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị Đ, T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Hoài T ly hôn.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn K N, sinh ngày 23/9/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/02/2018. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai cháu vẫn ở với anh Đ, cuộc sống vẫn đảm bảo nên cần giao cả hai cháu cho anh Đ trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, về cấp dưỡng nuôi con chung do anh Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản, vay nợ chung: Anh Đ xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết; chị T không có ý kiến về tài sản và vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn chị Nguyễn Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn K N, sinh ngày 23/9/2016 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 22/02/2018 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2021/0002741, ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Hoài T không phải nộp án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mươi lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã V1 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bàn Văn Thế

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Vượng **Nguyễn Văn Quang** **Bàn Văn Thế**